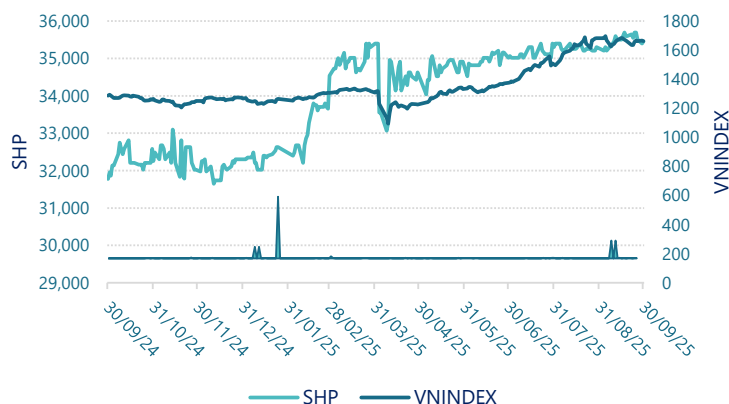


CTCP Thủy Điện Miền Nam (HSX: SHP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	36,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,693
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,648
SL cổ phiếu LH	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,105
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,689
P/E	10.9
EPS	3,348

DT thuần

Q3/25

236

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 97.0 | 70.0%

YoY: ▲ 4.00 | 1.9%

LN sau thuế

Q3/25

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 78.2 | 133%

YoY: ▼ 2.00 | -1.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

66.3%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

9T 2025

441

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.0 | 13.5%

LN sau thuế

9T 2025

209

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 43.0 | 25.9%

ROE

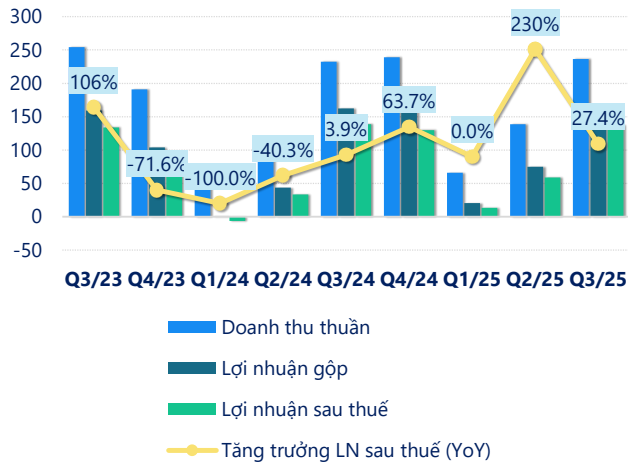
Q3/25

27.2%

+/- YoY: ▲ 7.4%

tỷ VNĐ

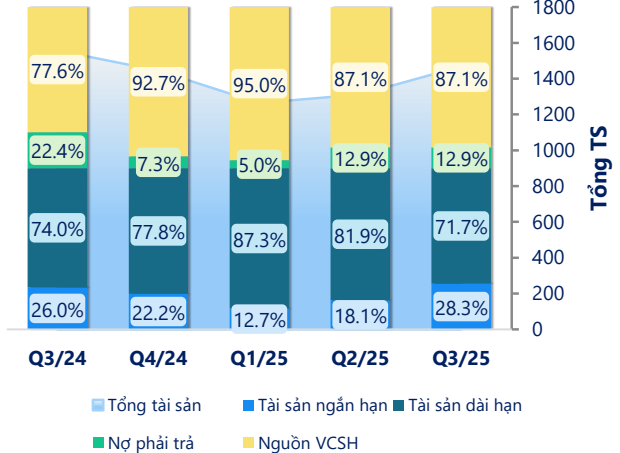
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

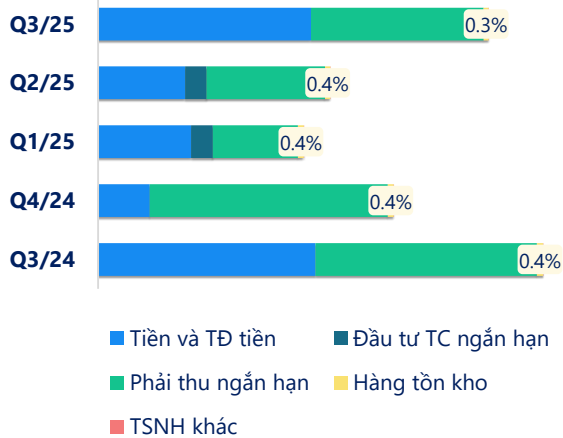
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



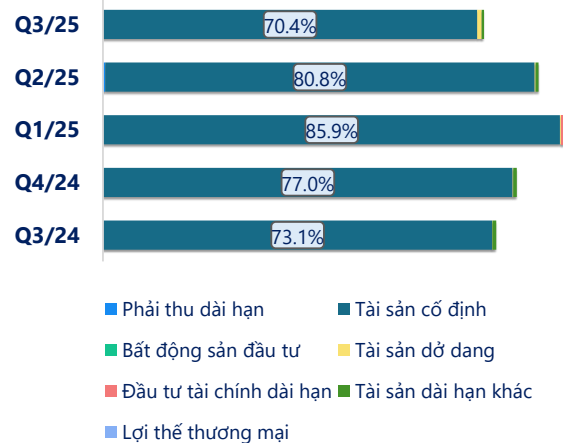
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

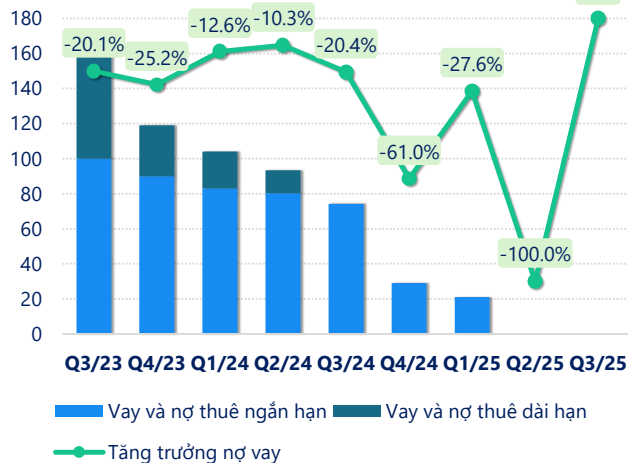
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

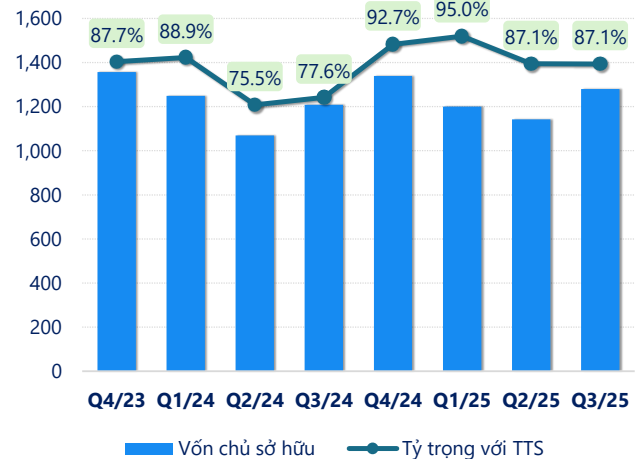
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

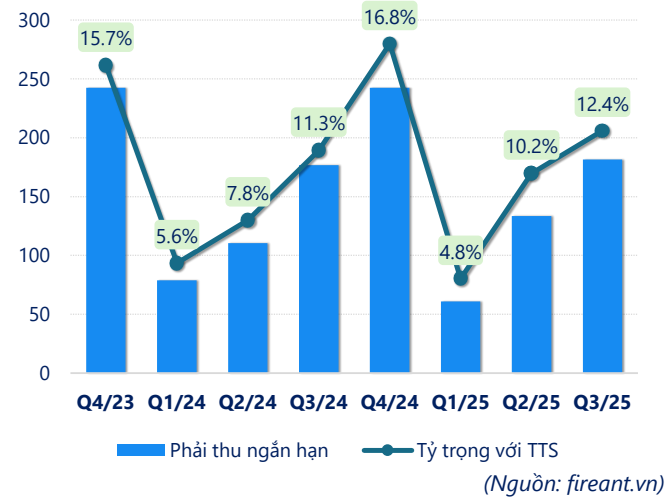
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

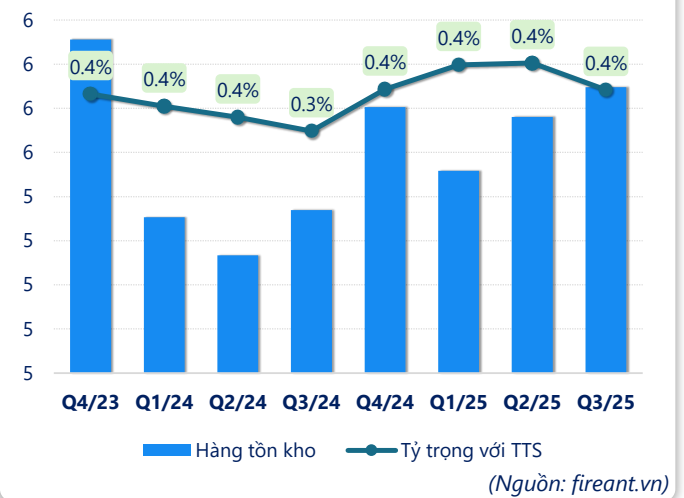


(Nguồn: fireant.vn)

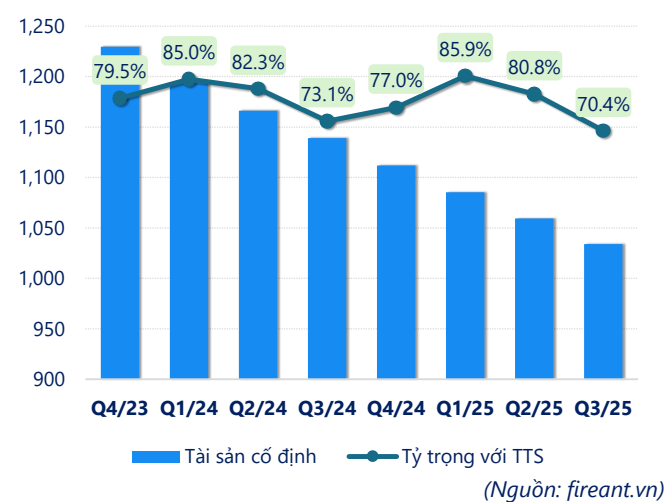
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


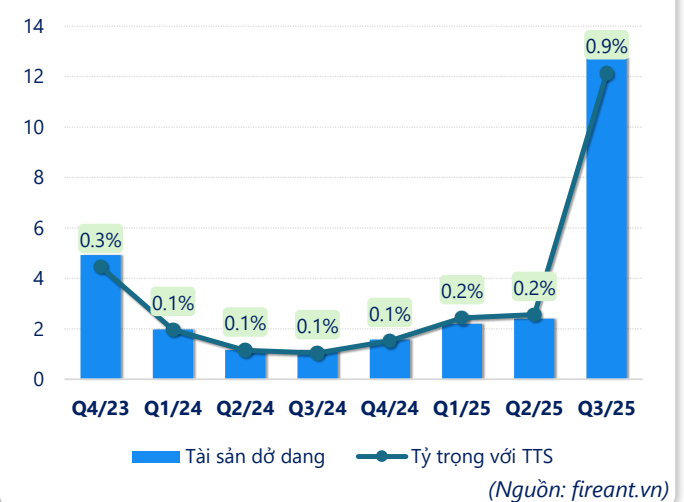
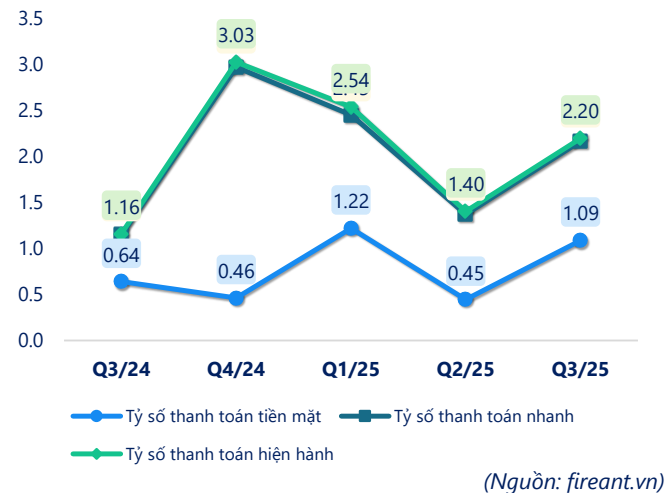
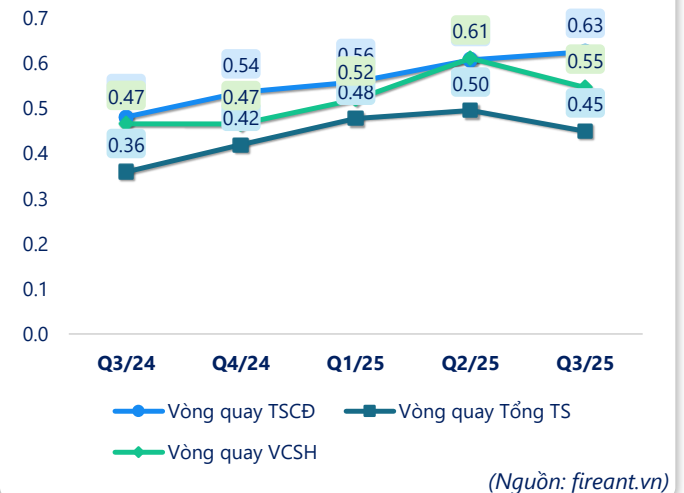
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,557	1,444	1,264	1,312	1,469
Tài sản ngắn hạn	405	320	161	237	416
Tiền và tương đương tiền	223	49.0	77.4	75.1	206
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	22.0	16.8	22.0	22.0
Phải thu ngắn hạn	177	242	60.8	134	182
Hàng tồn kho	5.34	5.80	5.52	5.76	5.90
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.72	0.57	0.54	0.46
Tài sản dài hạn	1,152	1,124	1,102	1,075	1,053
Phải thu dài hạn	0.70	0.70	0.70	5.32	0.01
Tài sản cố định	1,139	1,112	1,085	1,059	1,034
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.16	1.57	2.19	2.40	12.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	5.24	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.4	10.3	8.96	7.61	6.34
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	349	106	63.5	169	189
Nợ ngắn hạn	349	106	63.5	169	189
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.3	29.0	21.0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.44	3.07	2.21	3.51	9.67
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,209	1,339	1,200	1,143	1,280
Vốn chủ sở hữu	1,209	1,339	1,200	1,143	1,280
Vốn điều lệ	1,012	1,012	1,012	1,012	1,012
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)